

Số: *313* /QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng
Cụm các trường chuyên nghiệp tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ - CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt - Trung đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy tỉnh Hà Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1242/QĐ-UBND, ngày 27/6/2012 của UBND tỉnh Hà Giang, phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm các trường chuyên nghiệp của tỉnh Hà Giang;

Căn cứ công văn số 3762/UBND-CNGTXD, ngày 19/11/2013 của UBND tỉnh Hà Giang về việc thực hiện Kết luận số 241-KL/TU ngày 05/11/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm các trường chuyên nghiệp của tỉnh tại xã Phong Quang;

Căn cứ Công văn số 4046/UBND-CNGTXD, ngày 12/12/2013 của UBND tỉnh về việc thực hiện Kết luận số 246-KL/TU ngày 06/12/2013 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm các trường chuyên nghiệp của tỉnh tại xã Phong Quang;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 226/BC-SXD ngày 31/12/2013 của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định Đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm các trường chuyên nghiệp tỉnh Hà Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm các trường chuyên nghiệp tỉnh Hà Giang.

2. Loại quy hoạch: Quy hoạch chi tiết xây dựng.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý ĐTXD các công trình trọng điểm.

4. Địa điểm xây dựng: xã Phong Quang huyện Vị Xuyên.

5. Quy mô, phạm vi nghiên cứu quy hoạch:

- Phạm vi quy hoạch chi tiết diện tích 100,23 ha. Trong đó, phạm vi đo vẽ khảo sát hiện trạng phục vụ lập quy hoạch là 110 ha.

- Ranh giới khu đất được giới hạn như sau:

+ Phía Đông - Nam: giáp núi cao.

+ Phía Tây - Nam: giáp đường quy hoạch và đường đi từ cầu Phong Quang đến xã Phong Quang.

+ Phía Tây - Bắc: giáp đường quy hoạch và dân cư quy hoạch.

+ Phía Đông - Bắc: giáp đường quy hoạch và núi cao.

6. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch: Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hà Giang.

7. Nội dung lập quy hoạch:

- Quy hoạch chi tiết xây dựng các công trình khác bao gồm: Khu liên hợp Văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao tỉnh; các trung tâm thuộc các sở, ngành, các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, Trường trung học phổ thông phục vụ cho cán bộ nhân viên trong khu vực, Khu vực xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại; Phòng khám đa khoa khu vực và công viên cây xanh, vui chơi giải trí.

- Quy mô học sinh, sinh viên 12.400 người, trong đó 50% sinh viên ở nội trú.

- Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã đáp ứng các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể được duyệt, đồng thời đáp ứng các yêu cầu sau đây:

+ Đề xuất được các giải pháp tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan trên mặt đất và không gian xây dựng ngầm.

+ Xác định được tính chất, chức năng và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của khu vực thiết kế.

+ Đề xuất được các nội dung về quy hoạch sử dụng đất, bao gồm: xác định diện tích, mật độ xây dựng và chiều cao công trình cho từng lô đất; xác định quy mô các công trình ngầm.

+ Đề xuất được các giải pháp quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

+ Thiết kế đô thị: đề xuất được các giải pháp thiết kế đô thị đáp ứng được nhu cầu kiểm soát thực hiện theo các giải pháp quy hoạch của đồ án.

+ Đánh giá tác động môi trường và đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường.

8. Đặc điểm hiện trạng tự nhiên và xây dựng:

8.1. Điều kiện tự nhiên: Địa hình khu vực nghiên cứu quy hoạch tương đối bằng phẳng phía Đông - Nam giáp núi cần san ủi khối lượng tương đối lớn để tạo mặt bằng, trong khu vực chỉ có một số con suối nhỏ và ao nuôi trồng thủy sản của các hộ dân, độ sâu của các ao nuôi này là không lớn.

8.2. Thực trạng đất xây dựng: Diện tích phần lớn là đất nông nghiệp. Khu vực lập quy hoạch chủ yếu là các công trình nhà ở tạm thuộc làng xóm cũ, chủ yếu là nhà vách trát (nhà tóc xi), nhà vách gỗ mái lợp fibroxi măng, giá trị thấp. Tại khu đất quy hoạch hiện có 60 hộ dân với 231 nhân khẩu, trong đó 22 hộ có đất không có nhà (từ nơi khác đến canh tác), 38 hộ đang có nhà ở và đất hoa màu (trong 38 hộ có 22 hộ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại 16 hộ chưa được cấp quyền sử dụng đất). Dân cư chủ yếu là lao động nông nghiệp.

8.3. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống giao thông:

+ Đối ngoại: Đường từ Cầu Phong Quang đến xã Phong Quang (mặt đường 3,5m) là đường nhựa với chiều dài 3.500m.

+ Đối nội: Các đường hiện trạng đều là đường dân sinh. Chủ yếu là đường đất, mặt cắt đường nhỏ từ 1,5m đến 2m.

- Hệ thống cấp điện: Toàn bộ dân cư trong phạm vi quy hoạch đang sử dụng lưới điện 22-10/0,4KV khu vực. Dự kiến nguồn cấp điện cho khu vực quy hoạch sẽ được lấy từ nguồn điện được lấy từ lưới điện thành phố nên tương đối ổn định.

- Hệ thống cấp nước: Hiện chưa có hệ thống cấp nước tập trung trong vùng. Trước đây khu vực này chủ yếu là ruộng lúa và dân cư thừa thớt, nguồn nước sinh hoạt chính của dân là nguồn nước giếng khơi nhưng chưa có tài liệu nào đánh giá về trữ lượng, chất lượng nước ngầm tại đây.

- Hệ thống thoát nước bản và vệ sinh môi trường: Khu vực này chưa có hệ thống thoát nước thải, vệ sinh môi trường chưa được chú trọng.

- Hệ thống thông tin liên lạc, phát thanh và truyền hình: Hiện nay hệ thống thông tin liên lạc, phát thanh và truyền hình đang hoạt động tốt đáp ứng được nhu cầu sử dụng cho khu vực.

8.4. Đánh giá chung về hiện trạng khu vực quy hoạch:

- Thuận lợi: Về vị trí địa lý và mối liên hệ giao thông có sự liên hệ thuận lợi.

- Khó khăn: Cơ sở hạ tầng chưa kết nối với khu vực, nên chưa thuận tiện cho việc bố trí mạng lưới cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đạt tiêu chuẩn chất lượng.

9. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án:

9.1 Đối với các công trình đặc thù: Đảm bảo theo tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành áp dụng theo tính chất của từng công trình.

9.2 Các chỉ tiêu chính:

* Chỉ tiêu cây xanh: 4m²/người.

* Chỉ tiêu đất giao thông: 15-20%

* Chỉ tiêu Cấp nước: 80L/người/ngày đêm.

* Cấp điện:

- Nguồn điện: Điện lưới Quốc gia.

- Chỉ tiêu cấp điện: 400KWh/ng.năm.

* Thoát nước bản vệ sinh môi trường:

- Chỉ tiêu nước thải lấy bằng chỉ tiêu cấp nước.

- Rác thải: 0,8 kg/người/ngày.

10. Phương án quy hoạch:

10.1. Quy hoạch phát triển không gian:

Quy hoạch gồm các khu chức năng sau:

- Không gian phía Tây - Bắc: Gồm các trung tâm thuộc các Sở ngành, Trường mầm non, Trường tiểu học, Trường trung học cơ sở, Trường trung học phổ thông, siêu thị thương mại.

- Không gian Trung tâm: Bao gồm Trường cao đẳng nghề, Trường trung cấp Y tế, Trung tâm đào tạo đại học Hà nội, Trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật, Trung tâm GDTX tỉnh Hà Giang, Trường Cao đẳng sư phạm, Khu thể dục thể thao chung, Khu ký túc xá sinh viên và Khu nhà công vụ giáo viên và khuôn viên vườn hoa.

- Không gian phía Đông - Nam: Bao gồm Khu liên hợp Văn hóa - nghệ thuật - thể dục - thể thao tỉnh, Phòng khám đa khoa khu vực và Công viên cây xanh kết hợp khu vui chơi giải trí; Các khu chức năng được liên kết với khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, phù hợp đấu nối hạ tầng với quy hoạch chung của khu vực đã được phê duyệt.

10.2. Phương án quy hoạch cụ thể:

Quy hoạch gồm các khu chức năng chính sau:

* Khu vực trung tâm (quy mô 12.400 học sinh) gồm:

- Trường cao đẳng nghề, quy mô 2.500 học sinh.
- Trường trung cấp Y tế, quy mô 1.200 học sinh.
- Trường cao đẳng sư phạm, quy mô 4.500 học sinh
- Trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật, quy mô 2.000 học sinh.
- Trung tâm GDTX tỉnh Hà Giang, quy mô 1.000 học sinh.
- Trung tâm đào tạo đại học Hà Nội, quy mô 1.200 học sinh
- Khu thể dục thể thao chung.
- Khu ký túc xá sinh viên.
- Khu nhà công vụ giáo viên.

(Dự tính số lượng học sinh ở nội trú chiếm 50% tổng số học sinh, số lượng giáo viên ở nhà công vụ chiếm 50% tổng số lượng giáo viên)

*** Khu vực phía Tây – Bắc gồm:**

- Các trung tâm thuộc các Sở ngành.
- Trường mầm non, quy mô 250 học sinh.
- Trường tiểu học, quy mô 600 học sinh.
- Trường trung học cơ sở, quy mô 600 học sinh.
- Trường trung học phổ thông, quy mô từ 800 – 1000 học sinh.
- Khu siêu thị + Thương mại.

*** Khu vực phía Đông-Nam gồm:**

- Khu công viên cây xanh kết hợp giải trí.
- Khu liên hợp Văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao tỉnh.
- Phòng khám đa khoa khu vực.

10.3. Quy hoạch sử dụng đất:

a) Quy hoạch sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ %
1	Đất giao thông	80.030	8,00%
2	Đất công cộng phát triển	124.000	12,37%
3	Đất y tế phát triển	10.000	1,00%
4	Đất giáo dục phát triển	619.100	61,76%
5	Đất cơ quan phát triển	75.000	7,48%
6	Đất cây xanh	42.300	4,22%
7	Đất đồi núi chưa sử dụng	51.870	5,17%
Cộng		1.002.300	100,00%

b) Thống kê các chỉ tiêu kỹ thuật các lô đất cụ thể:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Quy mô công trình	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Hệ số sử dụng đất
1	Đất Trường trung cấp nghề	62.500	1-4 tầng	13,62	0,13-0,17
2	Đất Trường trung cấp Y tế	48.000	1-4 tầng	4,14	0,04-0,10
3	Đất Trường Cao đẳng sư phạm	202.500	1-9 tầng	6,11	0,06-0,09
4	Đất Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật	50.000	1-4 tầng	10,51	0,1-0,13
5	Đất Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Hà Giang	25.000	1-4 tầng	15,74	0,16-0,30
6	Đất Trung tâm đào tạo Đại học Hà Nội	5.000	-	-	-
7	Đất Khu thể dục thể thao chung	110.400	-	39,30	0,39
8	Khu ký túc xá + Nhà công vụ giáo viên	77.700	1-5 tầng	18,42	0,18-0,45
9	Đất Khu công viên cây xanh kết hợp giải trí	42.300	-	-	-
10	Đất Các trung tâm thuộc các Sở, ngành	75.000	1-4 tầng	8,70	0,09-0,25
11	Đất Trường mầm non	7.000	1-2 tầng	8,50	0,085-0,17
12	Đất Trường tiểu học	7.000	1-2 tầng	8,80	0,087-0,17
13	Đất Trường trung học cơ sở	9.000	1-3 tầng	10,78	0,10-0,21
14	Đất trường trung học phổ thông	15.000	1-3 tầng	22,76	0,22-0,40
15	Đất Khu siêu thị + Thương mại	25.000	1-2 tầng	15,72	0,16-0,31
16	Đất Phòng khám đa khoa khu vực	10.000	1-3 tầng	16,90	0,17-0,39
17	Đất Khu liên hợp Văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao tỉnh	99.000	1-3 tầng	4,63	0,05-0,14
18	Đất giao thông	80.030	-	-	-
19	Đất đồi núi chưa sử dụng	51.870	-	-	-
Tổng cộng		1.002.300			

11. Thiết kế kiến trúc công trình:

- Không gian kiến trúc tổng thể mang đặc trưng kiến trúc công trình giáo dục, các công trình liên kết với nhau tạo nên một quần thể kiến trúc hiện đại

mang bản sắc văn hóa vùng miền, phù hợp với cảnh quan chung của khu vực, kiến trúc các cụm trường được nghiên cứu một cách hợp lý, thuận tiện về công năng, phù hợp với các tiêu chuẩn quy phạm hiện hành.

- Quy mô các công trình chủ yếu:

STT	Công trình	Chức năng	Quy mô
A	Khu vực trung tâm		
1	Trường trung cấp nghề	-	1-4 tầng
2	Trường trung cấp Y tế	-	1-4 tầng
3	Trung tâm đào tạo đại học Hà Nội	-	-
4	Trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật.	-	1-4 tầng
5	Trung tâm GDTX tỉnh Hà Giang.	-	1-4 tầng
6	Trường cao đẳng sư phạm.	-	1-9 tầng
7	Khu thể dục thể thao chung.	-	-
8-9	Khu ký túc xá+ Nhà ăn + Nhà công vụ giáo viên.	-	1-5 tầng
B	Khu vực phía Tây – Bắc		
11	Các trung tâm thuộc ngành.	Trụ sở làm việc các trung tâm khu cụm các trường chuyên nghiệp	1-4 tầng
12	Trường mầm non.	-	1-2 tầng
13	Trường tiểu học.	-	1-2 tầng
14	Trường trung học cơ sở.	-	1-3 tầng
15	Trường THPT	-	1-3 tầng
16	Khu siêu thị + Thương mại.	Khu vực dành cho các hoạt động thương mại.	1-2 tầng
R	Điểm tập kết rác thải	-	
C	Khu vực phía Đông – Nam		
17	Khu liên hợp Văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao tỉnh.	Khu vực sinh hoạt cộng đồng	1-3 tầng
18	Phòng khám đa khoa khu vực.	Khu vực dành cho khám chữa bệnh ngoại trú trong khu vực.	1-3 tầng
R	Điểm tập kết rác thải	-	

12. Quy hoạch hệ thống Hạ tầng kỹ thuật:

12.1 Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a) *Giải pháp san nền:* San nền tạo mặt bằng xây dựng các công trình theo phương án quy hoạch trong phạm vi nghiên cứu, có tính toán hợp lý. Với phương án tận dụng đất tại các khu vực đào để đổ xuống các khu vực trũng đắp tạo mặt bằng các khu chức năng khác theo quy hoạch. Cao độ cốt san nền được xác định cục bộ theo đường giao thông, phù hợp với phương án quy hoạch, giảm

thiểu tối đa khối lượng đào, đắp. Cao độ thiết kế san nền từ 246,2m đến 251,6m đảm bảo độ dốc thoát nước mưa theo tiêu chuẩn.

b) *Giải pháp thoát nước mưa*: Hệ thống thoát nước cho Cụm các trường chuyên nghiệp tỉnh Hà Giang là hệ thống thoát nước chung cho cả nước mưa, nước thải sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ bao gồm các tuyến cống kích thước 600x800 và 800x800 chạy dọc theo các tuyến giao thông. Tất cả các công trình dịch vụ công cộng, trường học, khu ký túc xá cho sinh viên, các công trình dịch vụ nước thải ra từ khu vệ sinh đều phải được xử lý cục bộ qua bể tự hoại trước khi xả ra mạng lưới thoát nước chung khu quy hoạch. Lưu vực thoát nước khu quy hoạch có hướng chảy chính là hướng Đông Bắc sau đó xả ra suối và khu vực tự nhiên có địa hình thấp trũng.

12.2. Quy hoạch giao thông:

a) *Giao thông đối ngoại*:

Gồm 2 loại đường:

- Đường có chiều rộng nền đường là 20,5m: Lòng đường rộng 10,5m hành lang rộng 5,0m x 2.

- Đường có chiều rộng nền đường là 16,5m: Lòng đường rộng 7,5m hành lang rộng 4,5m x 2.

b) *Giao thông khu vực*: Thiết kế phù hợp với phương án quy hoạch và tổ chức không gian trong khu vực hợp khối, tạo cảnh quan hài hòa trong khu vực.

* *Chi giới xây dựng, chi giới đường đỏ các tuyến*:

STT	Loại đường	Chi giới đường đỏ	Chi giới xây dựng
1	Mặt đường rộng 10,5m	5,0 m	3,0 m
2	Mặt đường rộng 7,5m	4,5 m	3,0 m
3	Mặt đường rộng 5,5m	3,0 m	2,5 m

12.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước cấp cho khu quy hoạch lấy từ suối Sừu cách 14km, có độ chênh cao sơ bộ từ cốt 650 về cốt 238 (*Cần tính toán khảo sát kỹ lưỡng khi lập dự án đầu tư*).

- Mạng lưới cấp nước là mạng vòng cho các tuyến ống chính cấp 1 (ống truyền tải) từ mạng chính được đầu kết hợp mạng cụt để cấp nước tới mạng phân phối (cấp 2). Trên mạng lưới tuyến ống chính (cấp 1) đặt các trụ cứu hỏa để phục vụ cho chữa cháy.

- Mạng ống cấp nước phân phối tới công trình là mạng nhánh cụt theo nguyên tắc đối với công trình thấp tầng nước được cấp trực tiếp từ các tuyến ống phân phối, đối với công trình cao tầng nước được cấp thông qua trạm bơm, bể chứa cục bộ tập trung hoặc phân tán cho ô đất hoặc từng công trình sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng cụ thể.

12.4. Quy hoạch cấp điện: Quy hoạch hoàn chỉnh hệ thống cấp điện đáp ứng nhu cầu phụ tải theo quy hoạch theo các giai đoạn phát triển.

Bao gồm: Hệ thống trạm biến áp, hệ thống cấp điện cho các khu chức năng, hệ thống điện chiếu sáng đô thị.

12.5. Quy hoạch thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

- Xử lý nước thải: Nước sinh hoạt được xử lý cục bộ bằng hệ thống xử lý tại các công trình sau đó dẫn ra công thoát nước chung của khu vực.

- Vệ sinh môi trường:

+ Quá trình đầu tư xây dựng các công trình khi vận chuyển vật liệu phải có bạt che phủ. Tập kết hợp lý vào các vị trí thuộc phạm vi xây dựng và thuận tiện cho công tác thi công, không làm ô nhiễm môi trường.

+ Thu gom chất thải rắn: Bố trí các điểm thu gom rác ở những khu vực thích hợp, rác được vận chuyển bằng xe chuyên dụng đến khu vực tập kết chung và xử lý theo quy trình xử lý chất thải của thành phố.

13. Đánh giá môi trường chiến lược (chi tiết theo thuyết minh đồ án quy hoạch):

- Đảm bảo các hoạt động chức năng trong khu đô thị phải phù hợp với các tiêu chuẩn và pháp luật về môi trường của Việt Nam.

- Dự báo, đánh giá tác động xấu đối với môi trường của đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm các trường chuyên nghiệp tỉnh Hà Giang làm cơ sở lựa chọn phương án quy hoạch tối ưu. Các vấn đề môi trường đã và chưa được giải quyết trong đồ án quy hoạch. Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch. Đề xuất biện pháp quản lý, giám sát môi trường khu vực.

14. Thiết kế đô thị:

14.1. Xác định các công trình điểm nhấn trong khu vực quy hoạch theo các hướng tâm nhìn:

Các công trình thuộc cụm các trường chuyên nghiệp chính là điểm nhấn được xác định nằm trung tâm khu quy hoạch với thiết kế kiến trúc loại công trình trường học, quy mô trung bình 4 tầng (riêng đối với công trình điểm nhấn: 9 tầng), tường trong và ngoài nhà sơn sáng màu. Các công trình được thiết kế phù hợp với tính chất sử dụng và tạo mỹ quan đô thị.

14.2. Xác định chiều cao xây dựng công trình:

- Tổ chức không gian và chiều cao cho toàn khu vực nghiên cứu:

+ Khu cụm các trường chuyên nghiệp trung bình: 4 tầng, riêng đối với công trình điểm nhấn: 9 tầng.

- Khu công trình các trung tâm thuộc ngành trung bình: 4 tầng.

- Khu công trình trường học trung bình: 3 tầng.

- Khu Siêu thị, thương mại trung bình: 2 tầng.

- Khu Văn hóa nghệ thuật các ngành trung bình. 3 tầng.

- Phòng khám đa khoa khu vực trung bình: 3 tầng.

14.3. Xác định khoảng lùi công trình trên từng đường phố, nút giao thông:

Thực hiện khoảng lùi theo quy hoạch đảm bảo giải pháp không gian kiến trúc cảnh quan, có quy định cụ thể theo các tuyến đường.

14.4. Xác định hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc:

- Hình khối kiến trúc: Bố trí các công trình bằng giải pháp phân tán đảm bảo không gian cũng như địa hình khu vực quy hoạch.

- Hình thức kiến trúc chủ đạo: Hình thức kiến trúc chủ đạo là kiến trúc trường học hiện đại kết hợp với truyền thống văn hóa. Màu sắc chủ đạo của công trình: Màu trắng, màu vàng kem, màu ghi nhạt, màu xanh nhạt.

14.5. Hệ thống cây xanh mặt nước và quảng trường: Thiết kế đảm bảo yêu cầu về môi trường và cảnh quan kiến trúc, phù hợp điều kiện khí hậu thổ nhưỡng khu vực.

15. Khái toán kinh phí, nguồn lực thực hiện:

15.1. Tổng kinh phí thực hiện quy hoạch được khái toán sơ bộ như sau:

Tổng kinh phí: 4.112,734 tỷ đồng.

Trong đó:

- Giải phóng mặt bằng: 26,409 tỷ đồng
- Chuẩn bị kỹ thuật: 123,938 tỷ đồng
- Giao thông: 487,775 tỷ đồng
- Cấp điện: 74,728 tỷ đồng
- Cấp nước: 328,695 tỷ đồng
- Thoát nước: 8,855 tỷ đồng
- Công trình kiến trúc: 2.688,449 tỷ đồng
- Dự phòng: 373,885 tỷ đồng

15.2. Nguồn lực thực hiện:

- Kinh phí lập quy hoạch: Vốn ngân sách nhà nước.

- Kinh phí thực hiện quy hoạch: Vốn ngân sách nhà nước, vốn vay và nguồn vốn xã hội hóa (Đối với nguồn vốn xã hội hóa được huy động đầu tư xây dựng Khu siêu thị, thương mại, dịch vụ và Ký túc xá), Thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư theo quy định của pháp luật và các nguồn vốn hợp pháp khác.

15.3. Phân kỳ đầu tư :

- Giai đoạn 1: 2012–2020: GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật.
- Giai đoạn 2: 2021-2030: Xây dựng các công trình kiến trúc.

16. Các danh mục dự án ưu tiên đầu tư và các hình thức vốn đầu tư dự kiến:

16.1 Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật: Hình thức đầu tư dự kiến: BT.

16.2 Xây dựng công trình kiến trúc:

- Các công trình trường học: Hình thức đầu tư dự kiến: BT.

- Ký túc xá cụm trường: Hình thức đầu tư dự kiến: BOT, BT, vốn vay.

16.3 Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác liên quan, có sự kết nối với Cụm các trường chuyên nghiệp:

- Xây dựng hệ thống cấp nước lấy từ suối Sứ: Hình thức đầu tư dự kiến: BOT.

- Hệ thống giao thông đầu nối với khu vực Cụm trường: Hình thức đầu tư dự kiến: BT.

Điều 2. Ban quản lý ĐTXD các công trình trọng điểm của tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Vị Xuyên phối hợp cùng Sở Xây dựng có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm các trường chuyên nghiệp tỉnh Hà Giang để các tổ chức và nhân dân biết, tham gia kiểm tra và thực hiện quy hoạch.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng liên quan đề xuất các giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; tập trung huy động vốn đầu tư để thực hiện các dự án xây dựng theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

- Quản lý, bàn giao hồ sơ cho các cơ quan chức năng liên quan và nghiệm thu, thanh quyết toán, kinh phí điều tra, khảo sát và lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chung theo đúng trình tự xây dựng cơ bản hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công thương, Thông tin và Truyền thông, Văn hoá - Thể thao và Du lịch; Kho bạc nhà nước Hà Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vị Xuyên và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- T.Tr Tỉnh uỷ (thay B/c);
- T.Tr HĐND tỉnh (thay B/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (thay B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- CV: XD, CN, TN&MT, KT;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn